

CÔNG TY CỔ PHẦN MHC

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN MHC

(Ban hành kèm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 09/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 04 năm 2018)



MỤC LỤC

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG	5
Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh.....	5
Điều 2. Giải thích thuật ngữ và từ viết tắt:.....	5
Điều 3. Nguyên tắc Quản trị công ty:.....	6
Điều 4. Cơ cấu tổ chức quản lý	7
CHƯƠNG II: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	8
Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông	8
Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông lớn	8
Điều 7. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường.....	9
CHƯƠNG III: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG.....	9
Điều 8. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên.....	9
Điều 9. Cổ đông, Ban Kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	9
Điều 10. Cổ đông kiến nghị hoặc yêu cầu bổ sung chương trình họp của Đại hội đồng cổ đông	10
Điều 11. Cách thức đăng ký và uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông.....	11
Điều 12. Cách thức tiến hành biểu quyết, kiểm phiếu, thông báo kết quả biểu quyết	11
Điều 13. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 14. Hình thức thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 15. Cách thức phản đối, yêu cầu hủy bỏ biên bản, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 16. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 17. Công bố Nghị quyết và Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	13
Điều 18. Thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.....	13
CHƯƠNG IV: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	13
Điều 19. Tiêu chuẩn thành viên hội đồng quản trị.....	13
Điều 20. Trình tự, cách thức, thủ tục ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	14
Điều 21. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị.....	15
Điều 22. Bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	16
Điều 23. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.....	16
Điều 24. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT.....	17
Điều 25. Thông báo họp hội đồng quản trị	17
Điều 26. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị	17
Điều 27. Cách thức biểu quyết của Hội đồng quản trị	17

Điều 28. Thể thức lấy ý kiến Hội đồng quản trị bằng văn bản	19
Điều 29. Cách thức phản đối, yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Hội đồng quản trị	19
Điều 30. Biên bản và thông qua biên bản họp Hội đồng quản trị	20
Điều 31. Nghị quyết của Hội đồng quản trị	20
Điều 32. Công bố thông tin về nghị quyết Hội đồng quản trị	20
Điều 33. Các tiểu ban của Hội đồng Quản trị	20
CHƯƠNG V: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM KIỂM SOÁT VIÊN.....	21
Điều 34. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên.....	21
Điều 35. Trình tự, cách thức, thủ tục Ứng cử, đề cử vào vị trí Kiểm soát viên	21
Điều 36. Cách thức bầu Kiểm soát viên.....	22
Điều 37. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	23
Điều 38. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	23
CHƯƠNG VI: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC.....	23
Điều 39. Tiêu chuẩn lựa chọn Tổng Giám đốc	23
Điều 40. Cán bộ quản lý.....	23
Điều 41. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc	24
Điều 42. Thư ký Công ty.....	24
CHƯƠNG VII: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH	25
Điều 43. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc.....	25
Điều 44. Mối quan hệ giữa HĐQT và BKS	26
Điều 45. Mối quan hệ giữa Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát	26
CHƯƠNG VIII: NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH.....	27
Điều 46. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác.	27
Điều 47. Giao dịch với người có liên quan	28
Điều 48. Đảm bảo quyền hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến Công ty	28
CHƯƠNG IX: BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	28
Điều 49. Nghĩa vụ công bố thông tin	28
Điều 50. Công bố thông tin về quản trị Công ty	29
Điều 51. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên.....	29
CHƯƠNG X: CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, GIÁM SÁT.....	29

Điều 52. Báo cáo.....	29
Điều 53 . Giám sát.....	29
Điều 54. Xử lý vi phạm.....	30
CHƯƠNG XI: SỬA ĐỔI QUY CHẾ QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	30
Điều 55. Sửa đổi Quy chế quản trị công ty	30
CHƯƠNG XII: NGÀY HIỆU LỰC.....	30
Điều 56. Ngày hiệu lực	30

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần MHC (sau đây gọi tắt là Công ty) được xây dựng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Nghị định 71/2017/NĐ-CP, Thông tư 95/2017/TT-BTC, Điều lệ công ty.
2. Quản trị công ty là những cơ chế, quy định thông qua đó công ty được điều hành và kiểm soát một cách tốt nhất, tạo lập khuôn khổ cho các mối quan hệ giữa các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và những người có liên quan khác, qua đó đưa ra các trình tự thủ tục ban hành các quyết định nhằm tránh những sự lạm quyền và rủi ro cho công ty.
3. Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và cán bộ quản lý của Công ty.
4. Trong trường hợp có những quy định của Điều lệ công ty và văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của Điều lệ công ty và các văn bản pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của công ty.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ và từ viết tắt:

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Công ty” là Công ty Cổ phần MHC
2. “Quy chế nội bộ về quản trị công ty” là Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần MHC
3. “Điều lệ Công ty” là Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của Công ty cổ phần MHC
4. “Cổ đông lớn” là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty
5. Người có liên quan là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 17 điều 4 Luật doanh nghiệp và khoản 34 điều 6 Luật Chứng khoán
6. Thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm.
7. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị là thành viên được quy định tại khoản 2 điều 151 Luật doanh nghiệp.
8. Người quản lý doanh nghiệp được quy định tại khoản 18 điều 4 Luật doanh nghiệp.
9. “ĐHĐCĐ” là Đại hội đồng cổ đông

10. “HDQT” là Hội đồng quản trị
11. “BKS” là Ban Kiểm soát
12. “TGD” là Tổng Giám đốc
13. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

Điều 3. Nguyên tắc Quản trị công ty:

Quản trị công ty có thể được hiểu chi tiết hơn như sau: Quản trị công ty là những biện pháp nội bộ để điều hành và kiểm soát công ty, liên quan tới các mối quan hệ giữa bộ máy điều hành, Hội đồng quản trị và các cổ đông của một công ty với các bên có quyền lợi liên quan. Quản trị công ty cũng tạo ra một cơ cấu để đề ra các mục tiêu của công ty và xác định các phương tiện để đạt những mục tiêu đó, cũng như để giám sát kết quả hoạt động của công ty. Quản trị công ty chỉ được cho là có hiệu quả khi khích lệ được bộ máy điều hành và Hội đồng quản trị theo đuổi các mục tiêu và vì lợi ích của công ty và của các cổ đông, cũng như phải tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát hoạt động công ty một cách hiệu quả, từ đó khuyến khích công ty sử dụng các nguồn lực một cách tốt hơn.

Quản trị công ty gồm những nội dung chính:

- Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.
- Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.
- Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị.
- Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Kiểm soát viên.
- Lựa chọn, bổ nhiệm và miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp.
- Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.
- Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác.

1. Những mục đích và mục tiêu công ty:

- *Tâm nhìn:* Trở thành công ty đầu tư hiệu quả, hoạt động theo các thông lệ và chuẩn mực tốt nhất về quản trị doanh nghiệp và quản lý tài sản.

- *Sứ mệnh:*

+ Tạo lợi ích cân bằng hợp lý giữa cổ đông, khách hàng, người lao động và cộng đồng xã hội.

+ Cam kết tôn trọng các giá trị cá nhân, tạo điều kiện tốt nhất để các cá nhân phát huy tối đa tiềm năng và thế mạnh vào sự phát triển chung của Công ty.

- *Giá trị cốt lõi:* các giá trị cốt lõi làm nền tảng cho việc xây dựng khuôn khổ quản trị công ty tại công ty cần phải tuân thủ một cách đầy đủ và liên tục là:

+ Sự công bằng: khuôn khổ quản trị công ty phải bảo vệ quyền lợi các cổ đông và đảm bảo sự đối xử công bằng đối với mọi cổ đông. Tất cả các cổ đông đều phải được đảm bảo cơ hội bảo vệ quyền lợi của mình nếu quyền lợi của họ bị xâm phạm.

+ Tính minh bạch: khuôn khổ quản trị công ty phải đảm bảo rằng việc công khai thông tin về các vấn đề quan trọng liên quan đến công ty, bao gồm tình hình tài chính, kết quả hoạt động, quyền sở hữu, cơ cấu kiểm soát luôn được thực hiện kịp thời và chính xác.

+ Tính trách nhiệm: khuôn khổ quản trị công ty phải công nhận những quyền lợi của các bên có quyền lợi liên quan theo quy định của pháp luật, và khuyến khích sự hợp tác tích cực giữa Công ty và các bên có quyền lợi liên quan trong việc tạo ra của cải, công ăn việc làm, và phải đảm bảo bền vững về mặt tài chính của Công ty.

+ Trách nhiệm giải trình: khuôn khổ quản trị công ty phải đảm bảo việc đề ra định hướng chiến lược cho công ty, phải đảm bảo việc giám sát có hiệu quả từ phía HĐQT và đảm bảo trách nhiệm giải trình của HĐQT trước Công ty và trước cổ đông.

2. Các nguyên tắc quản trị công ty:

Các nguyên tắc quản trị công ty là một tuyên ngôn đề cập các nguyên tắc về những thông lệ quản trị của công ty, nhằm giúp cơ cấu quản trị của công ty được minh bạch và thể hiện sự cam kết của công ty trong việc quản trị công ty hiệu quả và việc xây dựng, đẩy mạnh:

- Một mô hình quản lý có trách nhiệm và dựa trên các giá trị đạo đức kinh doanh.
- Một HĐQT và bộ máy điều hành phục vụ những lợi ích cao nhất của công ty và các cổ đông, bao gồm cả các cổ đông nhỏ lẻ, và tìm cách làm gia tăng giá trị cho các cổ đông một cách bền vững.
- Việc công khai thông tin một cách phù hợp và đảm bảo tính minh bạch, cũng như một hệ thống quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ hiệu quả.

Căn cứ vào các mục đích và mục tiêu của Công ty, các nguyên tắc quản trị bao gồm:

- Tuân thủ quy định hiện hành của pháp luật
- Tôn trọng đạo đức kinh doanh, có trách nhiệm với xã hội
- Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý
- Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông
- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan
- Công khai minh bạch mọi hoạt động của công ty
- Đảm bảo hiệu quả hoạt động của HĐQT, Ban kiểm soát

Điều 4. Cơ cấu tổ chức quản lý

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng Giám đốc.

CHƯƠNG II: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

1. Các quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của cổ đông được quy định tại điều 11, điều 12 Điều lệ công ty và các quyền cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan, đặc biệt là:

a) Quyền được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được công bố đầy đủ cho cổ đông và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b) Quyền được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

2. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trong trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng Quản trị vi phạm pháp luật hoặc vi phạm những quyền lợi cơ bản của cổ đông theo quy định của pháp luật, cổ đông có quyền đề nghị hủy quyết định đó theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Trường hợp các quyết định vi phạm pháp luật gây tổn hại tới Công ty, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành phải đền bù cho Công ty theo trách nhiệm của mình. Cổ đông có quyền yêu cầu Công ty bồi thường tổn thất theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông lớn

1. Ngoài các quyền và nghĩa vụ nêu trên, cổ đông hoặc nhóm các cổ đông nắm giữ trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (6) tháng trở lên có các quyền sau:

(a) Đề cử thành viên vào HĐQT và BKS theo quy định Khoản 2 Điều 24 và Khoản 2 Điều 33 tương ứng của Điều lệ Công ty;

(b) Xem xét và trích lục sổ biên bản và nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;

(c) Yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 114 Luật Doanh nghiệp;

(d) Yêu cầu BKS kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và tuân theo các quy định của điểm d, khoản 2, điều 114 Luật Doanh nghiệp;

(e) Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2. HĐQT phải xây dựng một cơ chế liên lạc thường xuyên với các Cổ đông lớn.

3. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền và lợi ích của Công ty và của các cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
4. Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường

1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm 01 (một) lần, địa điểm họp ĐHĐCĐ phải trên lãnh thổ Việt Nam. Đại hội đồng cổ đông thường niên phải họp trong vòng 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính hoặc không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính khi có sự chấp thuận của cơ quan đăng ký kinh doanh. ĐHĐCĐ thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Công ty phải tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục về triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ của Công ty. Công ty phải công bố thông tin về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Công ty phải hướng dẫn thủ tục ủy quyền và lập giấy ủy quyền cho các cổ đông theo quy định.
4. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông sắp xếp chương trình nghị sự, bố trí địa điểm và thời gian họp lý để thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 136 Luật doanh nghiệp.
5. Việc triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường của Công ty được thực hiện theo quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều 13 Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG III: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

Điều 8. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên

Đại hội đồng Cổ đông thường niên do Hội đồng quản trị quyết định triệu tập và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng Cổ đông thường niên quyết định những vấn đề được pháp luật và Điều lệ này quy định. Đặc biệt, Đại hội đồng Cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo.

Điều 9. Cổ đông, Ban Kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ có quyền yêu cầu triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo trình tự sau:

a. Phải lập yêu cầu triệu tập cuộc họp bằng văn bản gửi cho Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty. Yêu cầu phải ghi rõ thông tin về cổ đông, số lượng cổ phần sở hữu, thời gian sở hữu, lý do yêu cầu triệu tập, các vấn đề cần thảo luận tại Đại hội, chữ ký của cổ đông hoặc toàn bộ các cổ đông trong nhóm cổ đông và các bằng chứng chứng minh cho yêu cầu của cổ đông.

b. Trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu từ cổ đông, Hội đồng quản trị phải có văn bản trả lời chính thức về yêu cầu triệu tập.

c. Cổ đông có quyền yêu cầu Ban Kiểm soát làm việc với Hội đồng quản trị trong trường hợp không đồng ý với quyết định của Hội đồng quản trị về việc này.

2. Trường hợp Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông phải tự mình triệu tập cuộc họp theo quy định tại Khoản 4 Điều 13 của Điều lệ thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc có trách nhiệm tiến hành các thủ tục cần thiết để cung cấp cho họ danh sách cổ đông có quyền dự họp.

3. Công ty hoàn trả cho người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông các chi phí hợp lý cho việc triệu tập, tiến hành cuộc họp quy định tại Điều này (không bao gồm chi phí đi lại, ăn ở và các chi tiêu riêng của cổ đông dự họp) với điều kiện là người triệu tập cuộc họp phải xuất trình hóa đơn hợp lệ có ghi thông tin của Công ty là bên mua hàng.

Điều 10. Cổ đông kiến nghị hoặc yêu cầu bổ sung chương trình họp của Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ có quyền kiến nghị hoặc yêu cầu bổ sung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo trình tự như sau:

a. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

b. Trường hợp từ chối kiến nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải trả lời cho cổ đông bằng văn bản trước ngày dự kiến tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông.

c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền yêu cầu Ban Kiểm soát làm việc với Hội đồng quản trị trong trường hợp không đồng ý với quyết định của Hội đồng quản trị về việc này.

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được chấp thuận kiến nghị bổ sung chương trình họp phải cung cấp cho Chủ tịch Hội đồng quản trị các tài liệu cần thiết để Hội đồng quản trị chỉ đạo Ban tổ chức Đại hội chuẩn bị, in ấn và phát cho các cổ đông dự họp tham khảo và thảo luận, đồng thời chuẩn bị dự thảo nghị quyết về vấn đề này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 1 Điều này nếu có một trong các trường hợp sau đây:

a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn, không đủ, không đúng nội dung;

b. Vào thời điểm kiến nghị, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông không nắm giữ đủ từ 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (6) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ.

c. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 1 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. Kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

4. Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ cũng có thể gửi kiến nghị đến Hội đồng quản trị đề nghị bổ sung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo trình tự nêu trên. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị có toàn quyền xem xét và quyết định việc bổ sung nội dung này.

Điều 11. Cách thức đăng ký và ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông có thể đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm một trong các cách thức sau: đăng ký trực tiếp, qua điện thoại, fax, gửi thư hoặc gửi thư điện tử cho công ty trước thời hạn ghi trong thư mời họp Đại hội đồng cổ đông

2. Các Cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Đại diện được ủy quyền không nhất thiết phải là Cổ đông Công ty. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

3. Việc ủy quyền cho người đại diện tham dự họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản theo mẫu chung của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a) Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp; và

b) Trường hợp cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp và có dấu hợp lệ của tổ chức đó;

c) Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

4. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

Điều 12. Cách thức tiến hành biểu quyết, kiểm phiếu, thông báo kết quả biểu quyết

1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một mã số, chỗ ngồi và một thẻ biểu quyết và/hoặc hình thức khác phù hợp với pháp luật, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên người được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó tương ứng với cổ phần mà cổ đông đang nắm giữ. Thẻ biểu quyết này dùng để biểu quyết tất cả các vấn đề cần biểu quyết trong Đại hội.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Khi tiến hành biểu quyết từng vấn đề tại Đại hội phải tổng hợp số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề.

3. Theo quyết định của ít nhất 51% tổng số cổ đông tham dự cuộc họp, Chủ tọa phải mời tổ chức trung lập thực hiện việc kiểm phiếu đối với các vấn đề nhạy cảm. Trong trường hợp này,

việc kiểm phiếu phải có chứng kiến của ít nhất hai (02) cổ đông trong số những người yêu cầu phải có tổ chức trung lập kiểm phiếu.

Tổ chức trung lập được mời kiểm phiếu là tổ chức trong nước bất kỳ do Chủ tọa lựa chọn với điều kiện là tổ chức này không phải là người có liên quan của những người có quyền và nghĩa vụ trong vấn đề nhạy cảm mà Đại hội đồng cổ đông đang thảo luận, không phải là người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác. Người có liên quan được xác định theo quy định của khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp và khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán.

Kết quả biểu quyết được thông báo ngay tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sau khi hoàn thành việc kiểm phiếu.

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực, kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình họp Đại hội.

Điều 13. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều 19 Điều lệ công ty.

Điều 14. Hình thức thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều 20 Điều lệ công ty.

Điều 15. Cách thức phản đối, yêu cầu hủy bỏ biên bản, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông có quyền phản đối biên bản, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bằng cách yêu cầu thư ký cuộc họp ghi ý kiến phản đối vào biên bản cuộc họp nếu nghị quyết công bố ngay tại cuộc họp, hoặc gửi văn bản đến Hội đồng Quản trị trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày biên bản, nghị quyết của Đại hội được gửi cho các cổ đông và/hoặc được công bố trên website của Công ty.

2. Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ công ty có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 148 của Luật Doanh nghiệp;

b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

Mọi chi phí liên quan đến thủ tục yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông sẽ do người yêu cầu trả.

3. Trong mọi trường hợp, cổ đông vẫn phải tuân thủ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cho đến khi có phán quyết có hiệu lực của tòa án hoặc trọng tài về việc hủy nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Biên bản được lập bằng tiếng Việt. Biên bản phải bao gồm các nội dung quy định tại Điều 23 Điều lệ Công ty.

Điều 17. Công bố Nghị quyết và Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết và Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Cách thức và phương tiện công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin của công ty đại chúng.

Điều 18. Thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Các trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản:

- a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty.
- b. Định hướng phát triển công ty.
- c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại.
- d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
- e. Quyết định giao dịch đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán của công ty.
- f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm.
- g. Tổ chức lại, giải thể công ty.

2. Ngoại trừ các trường hợp nêu tại Khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty. Trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thực hiện theo quy định tại Điều 21 Điều lệ công ty và quy định của Luật doanh nghiệp.

CHƯƠNG IV: TRÌNH TỰ, THỦ THỤC ĐỀ CỬ, ÚNG CỬ, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 19. Tiêu chuẩn thành viên hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp.
- b. Có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm trong quản lý.
- c. Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.

2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a. Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó.
- b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định.
- c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty.
- d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty.
- e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không còn đáp ứng đủ điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị đó trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 20. Trình tự, cách thức, thủ tục ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Đề cử vào Hội đồng quản trị:

a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời gian liên tục ít nhất từ 6 tháng trở lên được quyền đề cử một ứng cử viên để bầu vào Hội đồng quản trị.

b) Những Cổ đông sở hữu từ dưới 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời gian liên tục ít nhất từ 06 (sáu) tháng trở lên có quyền gộp số cổ phần có quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để trở thành nhóm cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần có quyền biểu quyết để đề cử ứng cử viên bầu vào Hội đồng quản trị. Nếu như tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ nắm giữ chiếm trong khoảng trên 10% (mười phần trăm) đến 30% (ba mươi phần trăm) thì họ có quyền đề cử 01 (một) thành viên Hội đồng quản trị; nếu chiếm trên 30% (ba mươi phần trăm) đến 50% (năm mươi phần trăm) thì họ sẽ được đề cử 02 (hai) thành viên; nếu trên 50% (năm mươi phần trăm) đến 70% (bảy mươi phần trăm) thì họ được đề cử 03 (ba) thành viên; nếu lớn hơn 70% (bảy mươi phần trăm) thì họ được đề cử 04 (bốn) thành viên

2. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và được công bố tối thiểu mười

(10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu.

Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm:

- Họ tên, ngày tháng năm sinh;
- Trình độ chuyên môn;
- Quá trình công tác;
- Tên các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- Các thông tin khác (nếu có).

2. Các ứng viên Hội đồng quản trị có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

4. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 4, Điều 114 Luật doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ và Quy chế nội bộ của Công ty. Việc Hội đồng quản trị giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội cổ đông biểu quyết bầu thành Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

1. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

2. Phiếu bầu do Ban tổ chức in sẵn, có danh sách các ứng viên, sắp xếp theo thứ tự theo bảng chữ cái tiếng Việt, có đóng dấu Công ty.

3. Cổ đông có quyền bầu cho chính mình nếu có tên trong danh sách ứng cử viên ghi trong phiếu bầu cử.

4. Phiếu bầu được phát tại buổi họp Đại hội đồng cổ đông. Trên mỗi phiếu bầu có ghi tên những người ứng cử vào Hội đồng quản trị, thông tin về cổ đông và tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ đại diện. Cổ đông phải kiểm tra số cổ phần ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo lại ngay tại thời điểm nhận phiếu.

5. Phiếu bầu cử không hợp lệ là phiếu thuộc một hoặc nhiều trường hợp sau:

- a. Phiếu bầu không do Ban tổ chức Đại hội phát hành, không có đóng dấu Công ty;
- b. Phiếu bầu nhiều hơn số thành viên Hội đồng quản trị đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- c. Tổng số phiếu bầu của cổ đông bầu cho các ứng viên lớn hơn số phiếu bầu được phép;
 - d. Phiếu viết thêm tên người ngoài danh sách ứng viên đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - e. Số phiếu bầu cho các ứng viên lẻ tới hàng thập phân;
 - f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hoặc quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
6. Căn cứ vào số lượng thành viên quy định cho Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông sẽ dựa vào số phiếu bầu cao nhất từ trên xuống để chọn cho đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị.
7. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 22. Bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Sau khi có kết quả bầu cử thành viên Hội đồng Quản trị của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên của mình để bầu ra một (01) Chủ tịch.

Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể không kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc Công ty. Nếu Cổ đông chấp thuận rằng Chủ tịch có thể đồng thời kiêm Tổng Giám đốc, quyết định này cần phải được khẳng định hàng năm vào kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên

Điều 23. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 151 của Luật Doanh nghiệp;
- b) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Có đơn từ chức;
- d) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
- b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 24. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố ra công chúng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán.

Điều 25. Thông báo họp hội đồng quản trị

1. Thông báo họp phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc huỷ bỏ bằng văn bản của Thành viên Hội đồng quản trị đó.
2. Thông báo về cuộc họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản bằng tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ về chương trình họp, thời gian, địa điểm họp và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về các vấn đề thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
3. Thông báo mời họp được gửi bằng đường bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện phù hợp khác, nhưng phải đảm bảo đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng Quản trị đã được đăng ký tại Công ty
3. Tài liệu họp của phiên họp Hội đồng quản trị phải được gửi kèm cùng giấy mời họp đến các thành viên Hội đồng Quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị nếu như không nhận được tài liệu họp đúng thời hạn do lỗi của Hội đồng quản trị hay Thư ký có quyền đề nghị hoãn lại ngày họp và Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ tổ chức lại theo đề nghị của thành viên đó.

Điều 26. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

Điều 27. Cách thức biểu quyết của Hội đồng quản trị

1. Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong các trường hợp sau đây:

- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại Quy chế này.
- Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư thì phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc cuộc họp. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

2. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp, qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham dự họp trong một cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các nghị quyết được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định sau đó bằng các chữ ký của các tất cả thành viên tham dự cuộc họp này trong biên bản cuộc họp

3. Mỗi thành viên HĐQT có một phiếu biểu quyết và có giá trị ngang nhau. Các quyết định của HĐQT được thông qua theo nguyên tắc đa số quá bán. Trường hợp số phiếu biểu quyết ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.

4. Tùy từng trường hợp cụ thể, theo sự thống nhất của HĐQT, các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT có thể được biểu quyết thông qua dưới hình thức bỏ phiếu kín hoặc giơ tay biểu quyết tại cuộc họp HĐQT.

5. Đối với các vấn đề quan trọng liên quan đến nhân sự (bổ nhiệm, miễn nhiệm,...), tiền vốn, lợi ích của Công ty và nghĩa vụ của các thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc thì người chủ trì phiên họp có thể tiến hành biểu quyết bằng phiếu kín.

6. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không được biểu quyết về các hợp đồng hoặc giao dịch hoặc đề xuất nào mà thành viên đó hoặc bất kỳ người liên quan nào có lợi ích và lợi ích đó có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng quản trị sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về bất kỳ quyết nghị nào mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.

7. Theo quy định tại điểm d, khoản 9 Điều 28 Điều lệ Công ty, trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị, nếu có bất kỳ vấn đề nào phát sinh liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến biểu quyết của bất kỳ thành viên nào mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên đó, thì những vấn đề đó sẽ được chuyển tới Chủ toạ của cuộc họp và quyết định của vị Chủ toạ liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất và phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến vấn đề đó chưa được công bố một cách hợp thức theo Khoản 9 Điều 28 Điều lệ Công ty.

Điều 28. Thể thức lấy ý kiến Hội đồng quản trị bằng văn bản

Trong một số trường hợp khẩn cấp, thay vì triệu tập cuộc họp HĐQT, Chủ tịch HĐQT có thể lấy ý kiến biểu quyết của các thành viên HĐQT quyết định một hoặc một số vấn đề bằng phiếu ý kiến của các thành viên HĐQT. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm thực hiện việc chuyển các tài liệu có liên quan đến nội dung cần biểu quyết và mẫu Phiếu biểu quyết đến các thành viên HĐQT.

a. Trong mỗi Phiếu biểu quyết phải ghi rõ nội dung cần biểu quyết, các căn cứ để quyết định, điều kiện biểu quyết hợp lệ, thời gian chậm nhất gửi Phiếu biểu quyết và phần dành cho ý kiến khác của thành viên HĐQT.

b. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký của thành viên biểu quyết và phải được gửi đến Chủ tịch HĐQT bằng thư bảo đảm hoặc có thể gửi qua fax hoặc thư điện tử đến Chủ tịch HĐQT, tuy nhiên ngay sau đó bản gốc có chữ ký phải được gửi đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất trong vòng 03 (ba) ngày kể từ ngày fax hoặc email.

c. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Trường hợp số phiếu biểu quyết ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT. Kết quả biểu quyết bằng Phiếu ý kiến có giá trị như các quyết định trong một cuộc họp bình thường của HĐQT.

d. Thành viên HĐQT không được ủy quyền biểu quyết trong hình thức biểu quyết này.

e. Chủ tịch HĐQT và Thư ký HĐQT phải lập Biên bản kiểm phiếu trong vòng một (01) ngày làm việc kể từ khi kết thúc thời gian nhận phiếu biểu quyết. Kết quả kiểm phiếu phải được gửi cho tất cả thành viên HĐQT ngay trong ngày đến địa chỉ email đã đăng ký.

Điều 29. Cách thức phản đối, yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền phản đối nghị quyết của Hội đồng quản trị bằng cách yêu cầu thư ký cuộc họp ghi ý kiến phản đối vào biên bản cuộc họp nếu nghị quyết công bố ngay tại cuộc họp, hoặc gửi văn bản đến Hội đồng quản trị nếu nghị quyết được công bố sau cuộc họp.

2. Trong mọi trường hợp, thành viên Hội đồng quản trị vẫn phải tuân thủ nghị quyết của Hội đồng quản trị cho đến khi có phán quyết có hiệu lực của tòa án hoặc trọng tài về việc hủy nghị quyết của Hội đồng quản trị

Điều 30. Biên bản và thông qua biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Biên bản cuộc họp HĐQT thực hiện theo khoản 15, Điều 28 Điều lệ Công ty
2. Các tài liệu sử dụng trong cuộc họp Hội đồng quản trị phải được lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty trong thời hạn ít nhất là mười (10) năm.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Thư ký HĐQT có trách nhiệm chuyển biên bản họp/nghị quyết Hội đồng quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị (bao gồm các thành viên dự họp và các thành viên vắng mặt).

Điều 31. Nghị quyết của Hội đồng quản trị

1. HĐQT ban hành Nghị quyết/Quyết định đối với từng vấn đề đã được quyết định và ghi trong Biên bản cuộc họp HĐQT và công bố thông tin (nếu có) theo quy định của Luật chứng khoán.

2. Căn cứ vào nội dung Biên bản cuộc họp, Thư ký thực hiện việc soạn thảo Nghị quyết/Quyết định của HĐQT để trình Chủ tịch HĐQT ký, ban hành.

Nghị quyết/Quyết định của HĐQT phải được ký, ban hành trong thời gian không chậm hơn 02 (hai) ngày làm việc kể từ khi kết thúc cuộc họp HĐQT.

Thư ký thực hiện việc sao các Nghị quyết/Quyết định này gửi cho từng thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và Ban kiểm soát để theo dõi, giám sát và thực hiện.

Điều 32. Công bố thông tin về nghị quyết Hội đồng quản trị

Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ công ty và cho các cơ quan hữu quan (nếu được yêu cầu), hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của công ty theo trình tự và quy định của pháp luật doanh nghiệp và pháp luật về chứng khoán.

Điều 33. Các tiểu ban của Hội đồng Quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập và uỷ quyền hành động cho các Tiểu ban trực thuộc. Thành viên của Tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao, các Tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra.

Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các Tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của Tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của Tiểu ban và (b) nghị quyết các vấn đề thuộc

thẩm quyền của các Tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của Tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị quy định chi tiết về việc thành lập, chức năng, nhiệm vụ của các Tiểu ban và trách nhiệm của từng thành viên.

3. Trường hợp không thành lập các Tiểu ban thì Hội đồng Quản trị cử thành viên Hội đồng Quản trị độc lập phụ trách riêng về từng vấn đề như lương thưởng, nhân sự, đầu tư phát triển.

CHƯƠNG V: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 34. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

2. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;

3. Không được giữ các chức vụ quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty.

4. Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty

5. Không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

6. Trường hợp công ty niêm yết cổ phiếu, kiểm soát viên phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.

Điều 35. Trình tự, cách thức, thủ tục Ứng cử, đề cử vào vị trí Kiểm soát viên

1. Đề cử vào vị trí Kiểm soát viên

a. Những Cổ đông nắm giữ từ dưới 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết trong khoảng thời gian liên tục ít nhất từ 06 (sáu) tháng trở lên có thể gộp các cổ phần có quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để trở thành nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết để đề cử ứng cử viên vào vị trí kiểm soát viên.

b. Nếu cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu số cổ phần có quyền biểu quyết:

- Trên 10% (mười phần trăm) đến 30% (ba mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 01 (một) ứng viên;

- Trên 30% (ba mươi phần trăm) đến 50% (năm mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên;
- Trên 50% (năm mươi phần trăm) đến 70% (bảy mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên;
- Trên 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng viên.

2. Trong trường hợp đã xác định được trước các ứng viên thì danh sách ứng viên được đề cử hoặc ứng cử vào vị trí Kiểm soát viên (kèm theo lý lịch, thông tin) phải được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày tổ chức đại hội.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ Công ty. Cơ chế đề cử của Ban Kiểm soát đương nhiệm được công bố rõ ràng và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 36. Cách thức bầu Kiểm soát viên

1. Việc bầu Kiểm soát viên phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

2. Phiếu bầu do Ban tổ chức in sẵn, có danh sách các ứng viên, sắp xếp theo thứ tự theo bảng chữ cái tiếng Việt, có đóng dấu Công ty.

3. Cổ đông có quyền bầu cho chính mình nếu họ có tên trong danh sách ứng cử viên ghi trong phiếu bầu cử.

4. Phiếu bầu được phát tại buổi họp Đại hội đồng cổ đông. Trên mỗi phiếu bầu có ghi tên những người ứng cử vào vị trí Kiểm soát viên, thông tin về cổ đông và tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ đại diện. Cổ đông phải kiểm tra số cổ phần ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo lại ngay tại thời điểm nhận phiếu.

5. Phiếu bầu cử không hợp lệ là phiếu thuộc một hoặc nhiều trường hợp sau:

- a. Phiếu bầu không do Ban tổ chức Đại hội phát hành, không có đóng dấu Công ty;
- b. Phiếu bầu nhiều hơn số thành viên Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- c. Tổng số phiếu bầu của cổ đông bầu cho các ứng viên lớn hơn số phiếu bầu được phép;
- d. Phiếu viết thêm tên người ngoài danh sách ứng viên đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- e. Số phiếu bầu cho các ứng viên lẻ tới hàng thập phân;

f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hoặc quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

6. Căn cứ vào số lượng thành viên quy định cho Ban kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông sẽ dựa vào số phiếu bầu cao nhất từ trên xuống để chọn cho đủ số lượng thành viên Ban kiểm soát.

7. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 37. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Thực hiện theo quy định tại khoản 4, Điều 33 của Điều lệ Công ty

Điều 38. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên phải được công bố ra công chúng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán.

CHƯƠNG VI: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Điều 39. Tiêu chuẩn lựa chọn Tổng Giám đốc

- Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp.
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.

Điều 40. Cán bộ quản lý

1. Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có 01 (một) Tổng giám đốc, một hoặc một số Phó Tổng giám đốc và 01 (một) Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn chức danh Tổng Giám đốc bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.
2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được sử dụng số lượng và loại cán bộ quản lý cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị phê duyệt tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.
3. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định trên cơ sở đề xuất của Tổng giám đốc.

Điều 41. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm 01 (một) thành viên Hội đồng quản trị hoặc ký hợp đồng thuê một người khác không phải là thành viên Hội đồng quản trị làm Tổng Giám đốc. Trường hợp thuê Tổng Giám đốc, trong hợp đồng thuê phải quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.
2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là ba (03) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc điều hành không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.
3. Tổng Giám đốc có những quyền hạn và nhiệm vụ quy định tại Điều 31 Điều lệ Công ty.
4. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.
5. Bãi nhiệm.

Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc điều hành khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế.

Điều 42. Thư ký Công ty

1. Để hỗ trợ cho hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả, Hội đồng quản trị phải chỉ định ít nhất một (01) người làm Thư ký Công ty. Thư ký Công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật. Thư ký Công ty không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
2. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:
 - Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát;
 - Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - Tham dự các cuộc họp;
 - Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp;
 - Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát.

3. Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG VII: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Điều 43. Mọi quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc

1. Trong mọi trường hợp, Tổng Giám đốc là người có trách nhiệm xây dựng bộ máy tổ chức, nhân sự, kế hoạch sản xuất kinh doanh,... trình HĐQT phê duyệt và triển khai thực hiện.
2. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, Chỉ thị của Chủ tịch HĐQT. Hàng quý, Tổng giám đốc có trách nhiệm tổng hợp báo cáo HĐQT kết quả thực hiện Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của HĐQT. Tại các cuộc họp của HĐQT, nếu có yêu cầu, Tổng giám đốc hoặc người được Tổng giám đốc ủy quyền báo cáo trước HĐQT nội dung các tờ trình và các kiến nghị để HĐQT xem xét cho ý kiến phê duyệt (thông qua) hay không phê duyệt (không thông qua) để triển khai thực hiện. Trường hợp trong quá trình thực hiện Nghị quyết, Quyết định của HĐQT mà phát hiện thấy có những vấn đề không có lợi cho Công ty thì Tổng Giám đốc báo cáo với Chủ tịch HĐQT để điều chỉnh lại Nghị quyết, Quyết định cho phù hợp. Nếu HĐQT không điều chỉnh lại Nghị quyết, Quyết định thì Tổng Giám đốc vẫn phải thực hiện, nhưng có quyền bảo lưu ý kiến. Đối với những Nghị quyết, Quyết định trái pháp luật thì Tổng Giám đốc được quyền thực hiện theo pháp luật nhưng phải báo cáo với Chủ tịch HĐQT bằng văn bản, sau đó mới thực hiện.
3. Tổng Giám đốc chủ động quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền theo quy định phân cấp được HĐQT ban hành. Trong trường hợp khẩn cấp như: Thiên tai, hỏa hoạn, sự cố,... Tổng Giám đốc có quyền quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình và phải chịu trách nhiệm về những vấn đề quyết định đó, đồng thời phải báo ngay cho HĐQT và cơ quan nhà nước có thẩm quyền để giải quyết.
4. Hàng quý, sáu tháng và năm, Tổng Giám đốc phải gửi báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, kiến nghị những vấn đề cần giải quyết ngay (nếu có) và kế hoạch hoạt động trong thời gian tới của Công ty cho HĐQT (chậm nhất là 20 ngày sau quý phải báo cáo).
5. Báo cáo đột xuất: Khi có sự cố xảy ra hoặc nhận thấy có biến động bất thường trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Tổng Giám đốc có trách nhiệm phải báo cáo ngay bằng các phương tiện thông tin nhanh nhất để HĐQT kịp thời xử lý.
6. Các cuộc họp và đàm phán ký kết hợp đồng liên quan đến trách nhiệm của HĐQT hoặc phải trình HĐQT quyết định thì Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo HĐQT để xin ý kiến chỉ đạo.

7. Các cuộc họp do cơ quan liên quan mời Công ty (trừ những trường hợp mời đích danh) thì tùy theo tính chất từng cuộc họp để phân công cụ thể giữa Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc. Những cuộc họp đặc biệt quan trọng có liên quan đến đổi mới tổ chức, cơ chế, chính sách, định hướng phát triển hoặc xử lý những vướng mắc lớn của Công ty thì Chủ tịch HĐQT tham dự. Trường hợp Chủ tịch HĐQT không thể tham dự thì ủy quyền cho Tổng Giám đốc dự sau đó báo cáo cho Chủ tịch HĐQT nội dung, kết luận cuộc họp.
8. Tổng Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo mọi điều kiện, kể cả các nguồn lực để thành viên HĐQT thực hiện được nhiệm vụ của mình.
9. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm thi hành các nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ, Quy chế, quy định nội bộ khác và Hợp đồng lao động đã ký với HĐQT.

Điều 44. Mối quan hệ giữa HĐQT và BKS

1. HĐQT phối hợp chặt chẽ với BKS để thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ của mình theo quy định của Điều lệ của Công ty và quy định của Pháp luật.
2. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT và các tài liệu kèm theo đến các thành viên BKS như đối với thành viên HĐQT. Thành viên BKS có quyền dự các cuộc họp của HĐQT; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
3. Thành viên BKS có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh, Văn phòng khu vực và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên của công ty làm việc.
4. HĐQT, thành viên HĐQT, TGD, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của BKS.
5. Tất cả các Nghị quyết, Quyết định và các văn bản có tính chất quản trị chung do HĐQT ban hành đều được gửi đến các thành viên BKS.
6. HĐQT có trách nhiệm tiếp thu và có biện pháp theo dõi, chỉ đạo quá trình chấn chỉnh, xử lý các sai phạm theo kiến nghị của BKS sau mỗi lần kiểm tra, phúc tra, kể cả những sai phạm của HĐQT và các thành viên HĐQT (nếu có).

Điều 45. Mối quan hệ giữa Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo, cung cấp thông tin theo yêu cầu và tạo mọi điều kiện cần thiết để Ban Kiểm soát hoạt động theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

CHƯƠNG VIII: NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Điều 46. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác.

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người liên quan tới các thành viên này không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
3. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng Quản trị các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật. Công ty phải thực hiện công bố thông tin (nếu có theo quy định) về nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc nghị quyết Hội đồng Quản trị thông qua các giao dịch nêu trên trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ trên trang thông tin điện tử của Công ty và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
4. Công ty không được cấp các khoản vay hoặc cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới thành viên nêu trên, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
5. Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết đối với các giao dịch mà thành viên đó hoặc người có liên quan đến thành viên đó tham gia, bao gồm các giao dịch mà lợi ích vật chất hay phi vật chất của thành viên Hội đồng Quản trị đó chưa được xác định. Các giao dịch nêu trên phải được công bố trong Báo cáo thường niên của Công ty.
6. Các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.
7. Công ty có trách nhiệm ban hành Quy chế khen thưởng, kỷ luật đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên HĐQT, thành viên BKS, thành viên Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý bao gồm các nội dung chính sau đây:
 - a) Xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá.
 - b) Xây dựng hệ thống khen thưởng và kỷ luật.
 - c) Tổ chức bộ máy đánh giá, khen thưởng và kỷ luật.

d) Tổ chức thực hiện.

Điều 47. Giao dịch với người có liên quan

1. Khi tiến hành giao dịch với những người có liên quan, Công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Nội dung hợp đồng phải rõ ràng, cụ thể và công bố thông tin cho cổ đông khi có yêu cầu. Các điều khoản ký kết, bổ sung sửa đổi, thời hạn hiệu lực, giá cả cũng như căn cứ xác định giá cả của hợp đồng phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật.
2. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của Công ty và gây tổn hại cho lợi ích của Công ty thông qua việc kiểm soát các kênh mua, bán hàng hoá của công ty hay lũng đoạn giá cả.
3. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Công ty. Công ty không được cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các cổ đông và những người có liên quan.

Điều 48. Đảm bảo quyền hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến Công ty

1. Công ty phải tôn trọng quyền lợi hợp pháp của các bên có quyền, lợi liên quan đến Công ty bao gồm ngân hàng, chủ nợ, người lao động, người tiêu dùng, nhà cung cấp, cộng đồng và những người khác có quyền lợi liên quan đến Công ty.
2. Công ty hợp tác tích cực với những người có quyền lợi liên quan đến Công ty thông qua việc:
 - a) Cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết cho ngân hàng và chủ nợ để giúp họ đánh giá về tình hình hoạt động và tài chính của công ty và đưa ra quyết định;
 - b) Khuyến khích họ đưa ra ý kiến về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và các quyết định quan trọng liên quan tới lợi ích của họ thông qua liên hệ trực tiếp với Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành.
 - c) Công ty phải tuân thủ các quy định về lao động, môi trường, hoạt động có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.

CHƯƠNG IX: BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 49. Nghĩa vụ công bố thông tin

1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị Công ty cho cổ đông và công chúng. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Ngoài ra, Công ty phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng

ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.

2. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và công chúng đầu tư.

Điều 50. Công bố thông tin về quản trị Công ty

1. Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty tại các kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên và trong Báo cáo thường niên của Công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ sáu (06) tháng và công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 51. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên

Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành ngoài các trách nhiệm theo quy định tại Điều 46 Quy chế này, thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành có trách nhiệm báo cáo và công bố thông tin về giao dịch trong các trường hợp sau:

1. Các giao dịch giữa Công ty với công ty mà các thành viên nêu trên là thành viên sáng lập hoặc là thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc điều hành trong thời gian ba (03) năm trước.
2. Các giao dịch giữa công ty với công ty trong đó người liên quan của các thành viên nêu trên là thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc điều hành hoặc cổ đông lớn.
3. Các giao dịch có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với các thành viên nêu trên.

CHƯƠNG X: CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, GIÁM SÁT

Điều 52. Báo cáo

Định kỳ sáu tháng, hàng năm, các công ty có nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin về việc thực hiện quản trị công ty theo quy định của Quy chế này với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty được niêm yết và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 53. Giám sát

Công ty, các tổ chức và cá nhân có liên quan phải chịu sự giám sát về quản trị công ty của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 54. Xử lý vi phạm

Công ty, các tổ chức và cá nhân có liên quan vi phạm hoặc không thực hiện quy định tại Quy chế này, tùy theo tính chất, mức độ bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XI: SỬA ĐỔI QUY CHẾ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 55. Sửa đổi Quy chế quản trị công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này được ĐHĐCĐ xem xét và quyết định.
2. Trong trường hợp những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của công ty.

CHƯƠNG XII: NGÀY HIỆU LỰC

Điều 56. Ngày hiệu lực

1. Quy chế này gồm 12 chương 56 Điều được ĐHĐCĐ Công ty nhất trí thông qua ngày 23 tháng 04 năm 2018 và cùng chấp nhận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.
2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Công ty Cổ phần MHC.
3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế quản trị công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc ít nhất một nửa tổng số thành viên HĐQT mới có giá trị.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



ĐẶNG TIẾN THÀNH